

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 7 - 2023

V/vl: “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Đức Chung.

2. Ông Phan Văn Trường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023 về việc: “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị B, sinh năm 1979.

- Bị đơn: Anh Lê Văn H, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ : 196B tổ 4, khu 15, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Chị B và anh H vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phan Thị B trình bày: Chị và anh Lê Văn H chung sống với nhau 1998, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện L do cả hai cùng tự nguyện, chung sống không hạnh phúc thường xuyên mâu thuẫn do anh H thường xuyên ăn nhậu, tụ tập bạn bè ăn chơi, không quan tâm đến gia đình. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu xin được ly hôn anh H.

Về con chung: Có 02 con chung .

1. Lê H Minh T, sinh năm 2000.
2. Lê H Minh Tr, sinh năm 2003.

Hiện các cháu đã trưởng thành có khả năng lao động chị không có yêu cầu gì.

Tài sản chung: Chị và anh H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Chị B có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/7/2023 anh Lê Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phan Thị B đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Đức năm 1998, do cả hai cùng tự nguyện, vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì chỉ có xích mích, cãi vã nhỏ nhặt không đáng kể. Bản thân anh có ăn nhậu với anh em, vợ anh thấy buồn và vợ chồng có lời qua tiếng lại nhưng xích mích không lớn. Mặc dù anh còn tình cảm với vợ anh nhưng nếu vợ anh muốn ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung.

1. Lê H Minh Tâm, sinh năm 2000.
2. Lê H Minh Tr, sinh năm 2003.

Hiện các cháu đã trưởng thành, có khả năng lao động.

Tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết..

Về nợ chung: Không có.

Anh H đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nhưng có yêu cầu giải quyết vắng mặt, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị B.

Về con chung: Đã trưởng thành nên không xét/

Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận nên không xét.

Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng : Nguyên đơn chị Phan Thị B và anh Lê Văn H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị B và anh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai ngày 18/12/1998 nên là hôn nhân hợp pháp.

Chị B xin ly hôn anh H vì tình cảm vợ chồng không còn, anh H cũng đồng ý nên căn cứ Điều 89 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2000 và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014, xử cho chị Phan Thị B được ly hôn anh Lê Văn H.

[3] Về con chung: Chị B và anh H khai có 02 con chung nhưng đã trưởng thành nên không xét.

[4] Tài sản chung: Các đương sự đều có yêu cầu tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[4] Về nợ chung : Các đương sự khai không có nên không xét.

[5] Về án phí: Chị Phan Thị B phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 89 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2000 và Điều 56, 81, 82, 83, 84, 131 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị B, xử cho chị B được ly hôn anh Lê Văn H.

2. Về con chung: Không xét.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phan Thị B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0009532 ngày 07/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. Chị B đã nộp đủ án phí.

5. Chị Phan Thị B và anh Lê Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- TAND T. Đồng Nai.
- VKSND H. Long Thành.
- THA H. Long Thành.
- UBND nơi đăng ký kết hôn.
- Các đương sự.
- Lưu.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Liên